

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2018

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Hồ Hải Thành

2. Ông Nguyễn Văn Đời

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp: “*Ly hôn, con chung, tài sản chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXX-ST ngày 05/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn N; Sinh năm 1974; Nghề nghiệp: ngư nghiệp; địa chỉ: 47 đường L, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H ; Sinh năm 1982; Nghề nghiệp: Buôn bán; địa chỉ: 47 đường L, quận S, thành phố Đà Nẵng.

(Hai bên đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà H kết hôn năm 2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mặc dù hai bên gia đình có đứng ra giải quyết hòa giải nhưng chẳng đến đâu cả. Vì vậy Ông N quyết định ly hôn vì ông N không còn tình cảm với bà H nữa.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Nữ Dương T, sinh ngày: 05/7/2006 và Lê Thái A, sinh ngày: 18/12/2011. Nếu ly hôn, Ông N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con Lê Nữ Dương T và giao con Lê Thái A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông N xác định vợ chồng có tài sản chung là: nhà đất tại địa chỉ 47 đường L, phường N, quận S, TP Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT918435 do Sở Tài nguyên & Môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 04/7/2014 cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị H. Ông N đã nhận được kết quả thẩm định giá đối với tài sản trên và không có ý kiến gì. Tại phiên tòa hôm nay ông N xác định nguồn gốc tạo dựng nên tài sản chung của vợ chồng phần lớn là công sức đóng góp của ông N nên ông N yêu cầu bà H bồi trả tiền chênh lệch chia tài sản chung cho ông N số tiền 2.000.000.000 đồng thì ông N đồng ý giao nhà và đất trên cho bà H. Ngoài ra những tài sản chung khác là đồ dụng sinh hoạt trong gia đình vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án chia.

- Về nợ chung: Ông N xác định không có nợ chung.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N kết hôn năm 2003 tại UBND phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là về vấn đề tài chính trong quá trình nuôi con, Ông N muốn trong hôn nhân mỗi người lo tài chính nuôi một đứa, phần ai nấy sống, ai muốn đi đâu thì đi không được ai quản ai, hỏi han ai, cứ thế tối nào Ông N cũng đi mãi đến khuya mới về, để hai con một mình bà H chăm sóc, kèm học, kinh tế cũng không đưa, nên giữa hai bên không hòa hợp được, cứ thế vợ chồng cãi vã

nhau mãi ảnh hưởng đời sống tinh thần các con, nay Ông N xin ly hôn, bà H cũng xác định không còn tình cảm với Ông N nữa, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về con chung: Bà H xác định có hai con chung như ông N trình bày. Ly hôn, bà H xin trực tiếp nuôi con Lê Thái A, giao con Lê Nữ Dương T cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H xác định vợ chồng có tài sản chung là: nhà đất tại địa chỉ 47 đường L, phường N, quận S, TP Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT918435 do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/7/2014 cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị H . Bà H đã nhận được chứng thư thẩm định giá đối với nhà đất trên và bà H chỉ đồng ý thôi trả cho Ông N số tiền 1.500.000.000đồng và nhận nhà đất trên, nếu ông N không đồng ý thì bà H yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản trên. Ngoài ra những tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung.

- Chi phí thẩm định giá: 15.000.000đ, bà H đã tạm ứng cho công ty CP Giám định thẩm định Sài Gòn chi nhánh Đà Nẵng để thẩm định giá thị trường nhà và đất. Nay bà H yêu cầu Ông N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H ½ số tiền trên. Chi phí xem xét thẩm định giá tại chỗ, bà H tự nguyện chịu, không yêu cầu ông N phải trả lại.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 55 Luật Hôn nhân gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn cho ông N và bà Hằng. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận giữa các bên đương sự về việc giao con Lê Nữ

Dương T cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Lê Thái A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đề nghị HĐXX căn cứ điều 59 Luật hôn nhân và gia đình giao nhà và đất tại địa chỉ 47 đường, phường N, quận S, Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT918435 do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/7/2014 trị giá 3.084.300.000đ cho bà Nguyễn Thị H được sở hữu, quản lý, sử dụng. Bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ bồi trả cho ông Lê Văn N số tiền chênh lệch chia tài sản chung là: 1.542.150.000đ. Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến. Về chi phí thẩm định giá: 15.000.000đ buộc Ông N bồi trả lại cho bà H 7.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân : Ông N và bà H kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng, TP Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà H tồn tại hàng chục năm qua, hai người cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi con cái, cùng nhau vượt qua khó khăn, thử thách. Ông N cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến việc ly hôn là do tình cảm vợ chồng không hợp nhau nên gia đình thường xuyên cãi vã. Còn bà H thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là lý do tài chính, ông N không đưa tiền cho bà H nuôi con cái, để mặc cho bà H chăm sóc con, ai muốn đi đâu thì đi không được ai quản ai, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông N, bà H đều xác định không còn thương yêu nhau nữa, bà H đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của Ông N nên HĐXX căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn cho ông N, bà H là phù hợp.

[2]Về con chung: Bà H và ông Lê Văn N thống nhất thỏa thuận: Giao con Lê Nữ Dương T, sinh ngày: 05/7/2006 cho Ông N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Lê Thái A, sinh ngày: 18/12/2011 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về vấn đề nuôi con chung.

[3]Về tài sản chung: Theo yêu cầu khởi kiện của Ông N thì tài sản nhà và đất của vợ chồng sau này để cho các con. Tuy nhiên, bà H không đồng ý và có yêu cầu chia tài sản chung gồm nhà và đất tại 47 đường L, phường N, quận S, Đà Nẵng. Quá trình giải quyết, Ông N và bà H thống nhất chia tài sản chung gồm nhà và đất trên. Ngoài ra, không yêu cầu chia tài sản chung nào khác. Qua xem xét thực tế và thẩm định giá nhà và đất thì thấy ngôi nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất 116m² thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ K23 tại địa chỉ 47 đường L, phường N, quận S, Đà Nẵng có tổng trị giá là: 3.084.300.000đồng, nhà đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT918435 do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/7/2014. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được chia tài sản chung, cho bà H được hưởng ½ trị giá tài sản chung đã được thẩm định theo giá thị trường là 1.542.150.000đ. Xét tài sản nhà đất tại địa chỉ 47 đường L, phường N, quận S, Đà Nẵng là tài sản chung được ông N, bà H tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của bà H là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, Ông N cũng đồng ý chia tài sản chung theo quy định của pháp luật, nhưng ông N khai nại toàn bộ nhà đất này được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân nhưng ông N là người có công sức đóng góp lớn vào việc tạo lập nên khối tài sản chung này, nguồn gốc khối tài sản này có được là do thu nhập của vợ chồng tiết kiệm tạo nên, bà H cũng thừa nhận thu nhập bình quân mỗi tháng của Ông N gấp đôi bà H do đó việc Ông N yêu cầu Tòa án cho ông được hưởng phần nhiều hơn khi chia tài sản chung là phù hợp nhưng việc ông N xin nhận nhà đất và chỉ thôi trả cho bà H 1.000.000.000đ là không thỏa đáng. Hội đồng xét xử cân nhắc vào công sức đóng góp tạo lập tài sản

chung của ông N, bà H quyết định chia tài sản chung của ông N, bà H theo tỷ lệ 6/4, cho Ông N được hưởng 6 phần, bà H được hưởng 4 phần là phù hợp với thực tế công sức đóng góp của hai vợ chồng và phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, giao cho ông Lê Văn N được sở hữu, quản lý, sử dụng nhà đất có diện tích xây dựng 79m², công trình xây dựng trên đất 28m² tọa lạc trên diện tích đất 116m² thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ K23 địa chỉ 47 đường L, phường N, quận S, Đà Nẵng. Tổng trị giá nhà đất là 3.084.300.000đồng. Ông N phải có trách nhiệm thời trả chênh lệch khi chia tài sản chung cho bà H số tiền 1.233.720.000đ. Bà H xác nhận hiện đang giữ giấy tờ nhà đất bản gốc nên cần có trách nhiệm giao cho Ông N để Ông N thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký biến động về tài sản theo quy định của pháp luật.

[4]Về chi phí thẩm định giá: 15.000.000đ bà H đã tạm ứng trước nay có yêu cầu, xét thấy Ông N và bà H đều nhận khối tài sản chung nên xét buộc Ông N thời trả lại cho bà H số tiền 9.000.000đ là phù hợp với tỷ lệ phần tài sản mà Ông N được hưởng.

Chi phí xem xét thẩm định giá tại chỗ, bà H tự nguyện chịu, không yêu cầu Ông N phải thời trả lại nên không xem xét giải quyết.

[5]Về nợ chung: Ông N, bà H đều xác nhận không có nợ chung nên không đề cập đến.

[6]Án phí HNGĐ sơ thẩm: Ông N phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí DSST: Ông N và bà H phải chịu án phí trên giá trị phần được hưởng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 55; 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Kiên xin ly hôn, nuôi con chung*" của ông Lê Văn N đối với bà Nguyễn Thị H .

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc “Chia tài sản chung khi ly hôn”.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị H .

Do chấp nhận thuận tình ly hôn của ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị H nên giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 19/5/2003 và trích lục kết hôn số 189/TLKH-BS do UBND phường Nại Hiên Đông, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng cấp ngày 17/3/2017 cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị H không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận giữa các bên đương sự về việc giao con Lê Nữ Dương T, sinh ngày: 05/7/2006 cho ông Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, giao con Lê Thái A, sinh ngày: 18/12/2011 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Giao cho ông Lê Văn N được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng ngôi nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất 116m² thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ K23 tại địa chỉ 47 đường L, phường N, quận S, Đà Nẵng. Tổng trị giá nhà và đất là: 3.084.300.000đồng, nhà đất có tứ cận Đông giáp mương thoát nước, Tây giáp đường L, Bắc giáp nhà số 45 đường L, Nam giáp nhà 49 đường L (Có sơ đồ cụ thể kèm theo) đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT918435 do Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/7/2014 đứng tên ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị H . Trị giá tài sản ông Lê Văn N được hưởng là : 1.850.580.000đ (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng)

Buộc ông Lê Văn N phải có nghĩa vụ phải bồi trả lại tiền chênh lệch chia tài sản chung cho bà Nguyễn Thị H là: 1.233.720.000đ. (Một tỷ hai trăm ba mươi ba triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Buộc ông Lê Văn N phải bồi trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền chi phí thẩm định giá tài sản là 9.000.000đồng(Chín triệu đồng y).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Lê Văn N được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động về người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Không đề cập đến.

5. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng Ông N phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 008567 ngày 12/03/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Án phí DSST: Ông N phải chịu: 67.517.400đồng; bà H phải chịu: 49.011.600đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 008634 ngày 03/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bà H còn phải nộp tiếp là 39.011.600đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 31/8/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và

9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Nại Hiên Đông;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

HỒ THỊ MỸ DUNG